

Bản án số:100/2017/HSST
Ngày: 28-11- 2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đắc Nghị
2. Ông Trần Văn Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H - tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 96/2017/HSST ngày 13 tháng 11 năm 2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2017/QĐST - HS ngày 17 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 02/12/1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T; có vợ Trần Thị X, sinh năm 1997 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ 07/9/2017 “có mặt”.

Người bị hại: Chị Trương Thị L, sinh năm 1979 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 09/8/2017, Nguyễn Văn Đ cùng anh Phạm Văn T, sinh năm 1979, trú tại: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (Đ và anh T là nhân viên giao hàng của đại lý Đông Triều thuộc xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình) đến giao hàng bột giặt OMO cho cửa hàng tạp hóa của chị Trương Thị L ở Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình. Sau khi giao hàng xong, anh T đi ra xe ô tô đợi, Đ ở lại cửa hàng thanh toán tiền hàng với chị L tại khu vực bàn gỗ nơi chị L ngồi bán hàng và để tiền. Trong quá trình thanh toán, Đ nhìn thấy trong ngăn tủ thứ 2 của ngăn kéo bàn gỗ có 01 chiếc ví bằng vải nilong, kích thước khoảng 20x10cm, có sọc kẻ trắng và sọc kẻ màu vàng cam xen kẽ; nghĩ chiếc ví này của chị L có đựng tiền, ngăn kéo tủ đựng tiền của chị L không khóa nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp chiếc ví trên của chị L. Do bị cáo đi giao hàng cho chị L nhiều lần, biết cách chị L sắp xếp, vị trí để các mặt hàng nên sau khi thanh toán tiền hàng xong, Đ nói với chị L bán cho Đ hai lon nước bò húc lạnh, mục đích để chị L đi vào bên trong nhà, không đứng ở bàn để Đ thực hiện hành vi trộm cắp. Chị L đã đi vào trong nhà lấy cho Đ hai lon nước ngọt, ngay lúc đó, Đ mở ngăn kéo tủ lấy chiếc ví của chị L rồi bỏ vào chiếc ví màu đen Đ đang đeo trên người rồi kéo ngăn tủ lại như cũ. Sau khi lấy nước ngọt và trả tiền chị L xong, Đ đi ra phía xe ô tô của đại lý để tiếp tục đi giao hàng. Khi đi gần đến xe ô tô, Đ lấy chiếc ví vừa trộm được của chị L cầm toàn bộ số tiền có trong ví ra cất ở trong ví màu đen của bị cáo Đ và vứt chiếc ví của chị L xuống sông. Trên đường đi giao hàng tiếp, bị cáo Đ lấy số tiền vừa trộm cắp được của chị L ra đếm được 24.000.000 đồng (gồm 55 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng, 26 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng), sau đó bị cáo Đ đổi toàn bộ số tiền mệnh giá 200.000 đồng thành tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng đem về nhà cất giấu. Đến tối ngày 10/8/2017, bị cáo Đ thừa nhận với bố mẹ là ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T về hành vi trộm cắp tiền của bị cáo. Sáng ngày 11/8/2017, ông Q và bà T đến trả cho chị L số tiền 24.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 99/KSĐT ngày 13-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (viết tắt BLHS).

Trong phần tranh luận vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX):

Tuyên xử bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 BLHS; xử phạt bị cáo

Nguyễn Văn Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù; về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Trương Thị L đã nhận lại đủ số tiền 24.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét hoàn cảnh điều kiện của gia đình bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội, chứng cứ buộc tội đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn Đ tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Đơn đề nghị và lời khai người bị hại chị Trương Thị L (Bút lục từ số 25 đến số 34); Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường (Bút lục từ số 08 đến số 10); Lời khai của những người làm chứng: ông Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị T cùng trú tại: Thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (Bút lục từ số 35 đến số 45); anh Hoàng Đình Đ, sinh năm: 1971, trú tại: thôn Cộng Hòa, xã M, huyện H (Bút lục số 46,47); anh Phạm Văn T, sinh năm: 1979, trú tại: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (Bút lục từ số 50 đến số 56) cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 09/8/2017, tại cửa hàng tạp hóa của chị Trương Thị L, ở Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Văn Đ đã có hành vi trộm cắp số tiền 24.000.000 đồng (gồm 55 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng, 26 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) của chị L. Hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS. Vì vậy Viện Kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nơi địa phương xảy ra tội phạm.

[4] Xét nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn Đ không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

nào theo quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, người bị hại có đơn xin xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bố bị cáo là thương binh, nên bị cáo Đ đ- ợc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; bị cáo có nhân thân tốt. Vì vậy cần xem xét hoàn cảnh bị cáo phạm tội, bố đẻ bị cáo là thương binh đang bị ốm nặng, bị cáo là lao động chính, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt. Khi lượng hình cần xử bị cáo mức án thấp để bị cáo cải tạo một thời gian nhất định đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, nên không đặt ra giải quyết.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. □p dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 điều 33 Bộ luật hình sự.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ **06(sáu) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Công an huyện H;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Nhàn

Hưng Hà, ngày 28 tháng 11 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

*** Với Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Nghị và ông Trần Văn Bình.

Căn cứ vào các điều 199, Điều 222 của bộ luật tố tụng hình sự;

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã T hành nghị án vụ án hình sự đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 02/12/1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về điều luật áp dụng:

□p dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 điều 33 BLHS.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** **06(sáu) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về các vấn đề khác:

Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Biên bản đã được thông qua tại phòng nghị án vào hồi 10 giờ 15 phút cùng ngày.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà